

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3**MÔN: TIẾNG ANH 9 ENGLISH DISCOVERY****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****HƯỚNG DẪN GIẢI****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com**

1. T	5. F	9. A	13. C	17. D	21. neighbourhood	25. C	29. C
2. F	6. A	10. D	14. B	18. C	22. connection	26. B	30. A
3. F	7. D	11. C	15. D	19. A	23. D	27. D	31. D
4. T	8. C	12. C	16. A	20. thankful	24. C	28. B	32. B

33. Could you tell me when the pharmacy opens?

34. There will be a safety system which monitors the area outside the house

35. Could you show me how to get to the nearest restaurant?

36. This is a great apartment for families who like living in a quiet place.

37. His house, whose roof has solar panels, has a low electricity bill.

38. Johnny suggested travelling in the summer months.

Johnny suggested that I should travel in the summer months.

39. Tom wishes he had a game console.

40. Kim asked when the best time was to visit Japan.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**Bài nghe:**

Hello and welcome back to Radio Travel, your guide to exploring the world. Tonight, let's discover the Netherlands, a beautiful European country with plenty of must-see attractions. First, let's explore Amsterdam, the capital city which is famous for its tulip fields, picturesque canals and vibrant cultural scene. You can take a walk along the canals or take a cruise to admire the beauty of this city. Next, let's visit Delft, which is well known for its traditional blue and white pottery. This city is also known as the birthplace of Johannes Vermeer, a famous painter who captured the city's beauty in his works. Now, let's try some yummy Dutch food. If you like fish, try haring, a traditional dish with whole raw, herring fish at least once. For cheese lovers, idam and gouda cheese with freshly baked bread are highly recommended. And let's not forget about the Dutch cycling culture. With its extensive network of bike lanes and a love for cycling, the Netherlands is a paradise for cyclists. About the best time to visit the Netherlands, the country has mild weather almost all year. However, it is a good idea to go between March and May when the tulip flowers are in full bloom. And that's all for tonight. I hope you found something interesting. For more podcasts, please visit our website at www.radiotravel.org. Thanks for listening and good night.

Tạm dịch:

Xin chào và chào mừng trở lại với Radio Du lịch, người hướng dẫn giúp bạn khám phá thế giới. Tối nay, hãy cùng khám phá Hà Lan, một quốc gia xinh đẹp ở châu Âu với rất nhiều điểm thu hút nhất định phải đến. Đầu tiên hãy khám phá Amsterdam, thủ đô nơi nổi tiếng với những cánh đồng hoa tulip, những con kênh đẹp như tranh vẽ và những khung cảnh văn hóa sống động. Bạn có thể đi dọc các con kênh hoặc thuê tàu để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thành phố này. Tiếp theo hãy cùng ghé qua Delft, một thành phố nổi tiếng với đồ gốm hoa lam. Thành phố này cũng được biết đến là nơi sinh của Johannes Vermeer, một họa sĩ nổi tiếng đã bắt trọn vẻ đẹp của thành phố vào trong các tác phẩm của ông. Bây giờ, hãy cùng thử vài món ngon của Hà Lan nhé. Nếu bạn thích cá, hãy thử món haring một lần, một món ăn truyền thống với nguyên một con cá trích sống. Với những người yêu thích phô mai, phô mai idam và gouda ăn cùng với bánh mì mới nướng được gợi ý rất nhiều. Và đừng quên về văn hóa đạp xe của người Hà Lan. Với mạng lưới làn xe đạp rộng lớn và một tình yêu với đạp xe, người Hà Lan là một thiên đường cho những người đạp xe. Về thời gian tuyệt nhất để đến thăm Hà Lan, quốc gia này có thời tiết ôn hòa hầu hết quanh năm. Tuy nhiên, đi vào khoảng tháng Ba và tháng Năm khi mà hoa tulip nở rộ là một ý hay. Và đó là tất cả cho tối nay. Tôi mong là các bạn đã tìm được thứ gì đó thú vị. Để nghe nhiều podcast hơn, hãy ghé qua trang web www.radiotravel.org. Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và ngủ ngon.

1. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

A visitor can go on a cruise trip to admire Amsterdam.

(Một du khách có thể đi chơi bằng thuyền để chiêm ngưỡng Amsterdam.)

Thông tin: You can take a walk along the canals or take a cruise to admire the beauty of this city.

(Bạn có thể đi dọc các con kênh hoặc thuê tàu để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thành phố này.)

Đáp án: T

2. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Amsterdam is the homeland of the famous artist Johannes Vermeer.

(Amsterdam là quê hương của họa sĩ nổi tiếng Johannes Vermeer.)

Thông tin: Next, let's visit Delft, which is well known for its traditional blue and white pottery. This city is also known as the birthplace of Johannes Vermeer, a famous painter who captured the city's beauty in his works.

(Tiếp theo hãy cùng ghé qua Delft, một thành phố nổi tiếng với đồ gốm hoa lam. Thành phố này cũng được biết đến là nơi sinh của Johannes Vermeer, một họa sĩ nổi tiếng đã bắt trọn vẻ đẹp của thành phố vào trong các tác phẩm của ông.)

Đáp án: F

3. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Haring is a must-try dish for cheese lovers.

(Haring là món ăn phải thử cho những người yêu phô mai.)

Thông tin: For cheese lovers, idam and gouda cheese with freshly baked bread are highly recommended.

(Với những người yêu thích phô mai, phô mai idam và gouda ăn cùng với bánh mì mới nướng được gợi ý rất nhiều.)

Đáp án: F

4. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

The Dutch people enjoy riding bikes a lot.

(Người Hà Lan thích đạp xe rất nhiều.)

Thông tin: With its extensive network of bike lanes and a love for cycling, the Netherlands is a paradise for cyclists.

(Với mạng lưới làn xe đạp rộng lớn và một tình yêu với đạp xe, người Hà Lan là một thiên đường cho những người đạp xe.)

Đáp án: T

5. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

The Netherlands has pleasant weather between March and May.

(Hà Lan có thời tiết đẹp từ tháng 3 đến tháng 5.)

Thông tin: About the best time to visit the Netherlands, the country has mild weather almost all year.

However, it is a good idea to go between March and May when the tulip flowers are in full bloom.

(Về thời gian tuyệt nhất để đến thăm Hà Lan, quốc gia này có thời tiết ôn hòa hầu hết quanh năm. Tuy nhiên, đi vào khoảng tháng Ba và tháng Năm khi mà hoa tulip nở rộ là một ý hay.)

Đáp án: F

6. A

Kiến thức: Phát âm "i"

Giải thích:

A. appliance /ə'plaiəns/

B. assistant /ə'sistənt/

C. dumpling /'dʌmplɪŋ/

D. furniture /'fɜːnɪʃə(r)/

Phần gạch chân đáp án A phát âm /aɪ/, các đáp án còn lại phát âm /ɪ/.

Đáp án: A

7. D

Kiến thức: Phát âm “a”

Giải thích:

A. elevator /'elɪveɪtə(r)/

B. pastery /'peɪstri/

C. bakery /'beɪkəri/

D. gallery /'gæləri/

Phần gạch chân đáp án D phát âm /æ/, các đáp án còn lại phát âm /eɪ/.

Đáp án: D

8. C

A. pharmacy /'fɑ:məsi/

B. monument /'mɒnjumənt/

C. adapter /ə'dæptə(r)/

D. furniture /'fɜ:nɪʃə(r)/

Trọng âm đáp án C rơi vào âm tiết thứ hai, các đáp án còn lại rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án: C

9. A

A. discover /dɪ'skʌvə(r)/

B. monitor /'mɒnɪtə(r)/

C. summarize /'sʌməraɪz/

D. generate /'dʒenəreɪt/

Trọng âm đáp án A rơi vào âm tiết thứ hai, các đáp án còn lại rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án: A

10. D

Kiến thức: Câu ước với “wish”

Giải thích:

Cấu trúc với câu ước: S1 + wish(es) + S2 + V2/ed + Ở đây tuy *my house* là danh từ số ít tuy nhiên với câu ước thì ta chia tất cả các ngôi và số ít số nhiều đều là *were*.

I wish my house **were** closer to the city.

(Tôi ước rằng nhà mình gần công ty hơn.)

Đáp án: D

11. C

Kiến thức: Động từ khiếm khuyết

Giải thích:

Ta sử dụng would + V₀ để nói về những hành động xảy ra lặp đi lặp lại trong quá khứ.

When I was a kid, I **would** walk to school with my dad.

(Khi mình còn bé, mình thường cùng bố đi bộ đến trường.)

Đáp án: C

12. C

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích:

A. look up: tra cứu / note down: ghi chú

B. turn off: tắt / come across: tình cờ gặp

C. look up: tìm kiếm / come across: tình cờ thấy

D. go over: kiểm tra lại lần nữa / look after: chăm sóc

Remember to **look up** the difficult words that you might **come across** when reading the book.

(Hãy nhớ tra cứu các từ khó mà các em có thể bắt gặp trong khi đọc sách.)

Đáp án: C

13. C

Kiến thức: Dạng của động từ

Giải thích:

Trong câu này đã có động từ chính là “is”, ta thấy đằng trước có tính từ thể hiện sự so sánh nhất “best” nên ta sẽ điền một *to V₀* vào chỗ trống.

One of the best strategies **to improve** your spoken English is to watch animated movies.

(Một trong những cách tốt nhất để cải thiện việc nói tiếng Anh của bạn là xem phim hoạt hình.)

Đáp án: C

14. B

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích:

A. where: ở đâu

B. how: bằng cách nào

C. when: khi nào

D. what: cái gì

Could you tell me **how** to get to the subway station? - Sure. Turn left at the traffic lights. It's on the right.

(Bạn có thể chỉ cho tôi làm thế nào để đến ga tàu điện ngầm không? – Chắc chắn rồi. rẽ trái tại đèn giao thông. Nó nằm ở bên phải.)

Đáp án: B

15. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. nuclear family: gia đình hạt nhân

B. double (adj): gấp đôi

C. single (adj): độc thân

D. extended family: đại gia đình

In those days, people would live in an **extended** family consisting of more than two generations.

(Ngày xưa mọi người thường sống trong một đại gia đình có nhiều hơn hai thế hệ.)

Đáp án: D

16. A

Kiến thức: Dạng của động từ

Giải thích:

Cấu trúc: used to + V₀

When Ann was a kid, she used to **sketch** everything she met, but now she doesn't.

(Khi Ann còn là một đứa trẻ, cô ấy thường phác họa tất cả mọi thứ cô ấy gặp, nhưng giờ cô ấy không vậy nữa.)

Đáp án: A

17. D

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Ta dùng thì quá khứ đơn để kể lại những việc đã xảy ra trong quá khứ. Cấu trúc: S + V₂/ed +

In the end, the professor **summarized** his lecture to give his students a clear recap of what they learned.

(Cuối cùng, giáo sư tổng kết lại bài giảng để cho các sinh viên của ông có một tóm tắt rõ ràng về những gì họ đã học.)

Đáp án: D

18. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. similar (adj): giống nhau, tương tự

B. same (adj): giống nhau

C. various (adj): khác nhau, nhiều loại

D. comparable (adj): có thể so sánh được

Mexico has **various** delicious foods like tacos and enchiladas.

(Mexico có nhiều loại đồ ăn ngon như bánh taco và bánh enchilada.)

Đáp án: C

19. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. sunblock (n): kem chống nắng

- B. sunroof (n): cửa sổ trời trên nóc ô tô
 C. sunbeam (n): tia nắng
 D. sunbed (n): giường phơi nắng trong nhà

It is best to use **sunblock** to protect yourself from sunburn during summer months.

(Tốt nhất là sử dụng kem chống nắng để bảo vệ bạn khỏi cháy nắng trong những tháng mùa hè.)

Đáp án: A

20. thankful

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích:

very là trạng từ, đứng sau trạng từ là tính từ, sau chỗ trống có mạo từ, ta điền một tính từ vào chỗ trống.

thank (v): cảm ơn, bày tỏ sự biết ơn → thankful (adj): cảm thấy biết ơn

She felt very **thankful** for all the support from her team.

(Cô cảm thấy rất biết ơn vì sự hỗ trợ từ nhóm của mình.)

Đáp án: thankful

21. neighborhood

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích:

Trước chỗ trống có mạo từ *the*, chỗ trống nằm ở cuối câu, ta điền một danh từ vào chỗ trống.

neighbor (n): hàng xóm → neighborhood (n): khu phố

Is there a good Vietnamese restaurant in the **neighborhood**?

(Có nhà hàng Việt Nam nào ngon trong khu phố không?)

Đáp án: neighborhood

22. connection

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích:

Trước chỗ trống có mạo từ *a*, sau chỗ trống là giới từ, ta điền một danh từ vào chỗ trống.

connect (v): kết nối → connection (n): sự kết nối

Family photos help us feel a **connection** to past generations.

(Các bức ảnh gia đình giúp chúng ta cảm thấy sự kết nối với các thế hệ trước.)

Đáp án: connection

23. D

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

A. from: từ

B. on: trên

C. at: tại

D. of: của

Rome, the capital city **of** Italy, is a must-visit destination.

(Rome, thủ đô của Ý, là một điểm đến nhất định phải ghé qua.)

Đáp án: D

24. C

Kiến thức: Mạo từ

Giải thích:

Đây là lần đầu tiên danh từ *city-state* (thành bang) được nhắc đến trong bài → loại A, D, mà âm đầu tiên của từ *independent* (,ɪn.dɪ'pen.dənt) là một nguyên âm (âm /ɪ/) nên từ cần điền là *an*.

However, keep in mind that Vatican City is **an** independent city-state within the country of Italy.

(Tuy nhiên, hãy nhớ rằng Thành phố Vatican là một thành bang độc lập nằm trong nước Ý.)

Đáp án: D

25. C

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích:

take a ride = go for a ride: đi dạo chơi một vòng

However, **take** a gondola ride along the Grand Canal and waterways to admire the beauty and charm of Venice is a truly amazing experience.

(Tuy nhiên, việc dạo chơi một vòng bằng thuyền chèo dọc theo Kênh đào Chính và các dòng sông để chiêm ngưỡng vẻ đẹp và sự quyến rũ của Venice thực sự là một trải nghiệm tuyệt vời.)

Đáp án: C

26. B

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích:

A. tradition (n): truyền thống

B. traditional (adj): thuộc về truyền thống

C. traditionally (adv): theo truyền thống

D. traditionalist (n): người theo chủ nghĩa truyền thống

Trước chỗ trống là một tính từ sở hữu, sau chỗ trống là một danh từ, ta điền một tính từ vào chỗ trống.

With its **traditional** style of baking and simple, fresh ingredients, this pizza is very popular throughout Italy.

(Với cách nướng truyền thống và đơn giản, cùng những nguyên liệu tươi ngon, loại pizza này phổ biến trên khắp nước Ý.)

Đáp án: B

27. D

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

Giải thích:

- A. who => đại từ quan hệ thay cho danh từ chỉ người đóng vai trò chủ ngữ / tân ngữ
 B. whom => đại từ quan hệ thay cho danh từ chỉ người đóng vai trò tân ngữ
 C. whose + danh từ => thay cho quan hệ sở hữu
 D. that => đại từ quan hệ thay cho danh từ chỉ người hoặc vật trong mệnh đề quan hệ xác định

*pasta là danh từ chỉ vật, nên để bổ nghĩa cho pasta ta sẽ điền which/that vào chỗ trống.
 (Nó cũng là một loại mì cổ nhất có từ thời Hy Lạp cổ đại.)*

Đáp án: D

Bài đọc hoàn chỉnh:

Italy is a beautiful country famous for its rich history and great cuisine. There are lots of things to experience in this European destination.

Rome, the capital city (23) **of** Italy, is a must-visit destination. The city is well-known for its iconic landmarks, such as the Colosseum, the Trevi, and Vatican City. However, keep in mind that Vatican City is (24) **an** independent city-state within the country of Italy.

Another enchanting tourist attraction is Venice, one of Italy's most picturesque cities with stunning bridges and historic canals. It is still unknown whether these canals are man-made or natural. However, (25) **take** a gondola ride along the Grand Canal and waterways to admire the beauty and charm of Venice is a truly amazing experience.

Besides these beautiful places, Italy is best known for its great cuisine, and one of the must-try dishes is Neapolitan pizza. With its (26) **traditional** style of baking and simple, fresh ingredients, this pizza is very popular throughout Italy. Lasagna is also highly recommended. It is one of the oldest types of pasta (27) **that** dates to the ancient Rome.

Tạm dịch:

Ý là một quốc gia xinh đẹp nổi tiếng là giàu lịch sử và có nền ẩm thực tuyệt vời. Có rất nhiều thứ để trải nghiệm ở điểm đến châu Âu này.

Rome, thủ đô của Ý, là một điểm nhất định phải đến. Thành phố này nổi tiếng với nhiều danh lam mang tính biểu tượng như Đấu trường La Mã, đài phun nước Trevi, và thành phố Vatican. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng Thành phố Vatican là một thành bang độc lập nằm trong nước Ý.

Một điểm du lịch mê hoặc khác là Venice, một trong những thành phố đẹp như tranh vẽ nhất ở Ý với những cây cầu tuyệt đẹp và những con kênh đầy tính lịch sử. Người ta vẫn không biết rằng những con kênh này là do bàn tay con người hoặc tự nhiên. Tuy nhiên, việc dạo chơi một vòng bằng thuyền chèo dọc theo Kênh đào Chính và các dòng sông để chiêm ngưỡng vẻ đẹp và sự quyến rũ của Venice thực sự là một trải nghiệm tuyệt vời.

Bên cạnh những địa điểm tuyệt đẹp đó, Italy được biết đến nhiều nhất là nhờ ẩm thực, và một trong những món ăn phải thử là pizza Napoli. Với cách nướng truyền thống và đơn giản, cùng những nguyên liệu tươi ngon, loại pizza này phổ biến trên khắp nước Ý. Lasagna cũng được gợi ý rất nhiều. Nó cũng là một loại mì cổ nhất có từ thời Hy Lạp cổ đại.

Bài đọc hiểu:

Smart homes refer to houses equipped with modern **gadgets** and systems that allow homeowners to control them remotely through mobile devices like smartphones, tablets, or laptops. However, **this** would probably not work without sensors. Besides, with the help of artificial intelligence, smart homes could learn about the homeowners' behavior to anticipate their needs. For instance, they could learn when the homeowners normally arrive home from work and automatically adjust the temperature, lighting or security settings.

Smart homes offer various advantages, but there are important factors to consider. Firstly, the technology can be expensive due to the initial purchase and installation of devices, as well as ongoing maintenance **costs**. Another aspect to consider is connectivity. Smart home gadgets rely heavily on internet connections. What would happen if the internet were interrupted or experienced connectivity issues? The answer is uncertain. Ultimately, the decision to adopt smart home technology depends on preferences, lifestyle, and budget.

Tạm dịch:

Những ngôi nhà thông minh ám chỉ những ngôi nhà được trang bị các thiết bị và hệ thống hiện đại cho phép chủ nhà điều khiển chúng từ xa thông qua các thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng hay máy tính xách tay. Tuy nhiên, điều này có thể không xảy ra mà không có các cảm biến. Bên cạnh đó, với sự giúp đỡ của trí tuệ nhân tạo, các ngôi nhà thông minh có thể học về hành vi của các chủ nhà để có thể biết trước nhu cầu của họ. Ví dụ, chúng có thể biết khi nào chủ nhà thường về nhà và tự động điều chỉnh nhiệt độ, ánh đèn và các thiết bị đặt an ninh.

Các ngôi nhà thông minh đem lại nhiều lợi ích, nhưng có những yếu tố quan trọng cần cân nhắc. Đầu tiên, công nghệ này có thể đắt đỏ do chi phí và lắp đặt các thiết bị lúc đầu, cũng như phí duy trì hoạt động. Yếu tố khác là tính kết nối. Các thiết bị trong nhà thông minh phụ thuộc rất nhiều vào kết nối internet. Điều gì sẽ xảy ra nếu mạng bị ngắt hay gặp các vấn đề về kết nối? Câu trả lời là không chắc. Cuối cùng, quyết định có chọn công nghệ nhà thông minh hay không phụ thuộc vào sở thích, lối sống và ngân sách.

28. B**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Từ nào dưới đây GẦN NGHĨA NHẤT với từ **gadgets** trong đoạn 1?

- A. xe cộ
- B. đồ gia dụng
- C. máy tính
- D. mạng lưới

gadget (n): thiết bị, phụ kiện = appliance (n): đồ gia dụng

Smart homes refer to houses equipped with modern **gadgets** and systems that allow homeowners to control them remotely through mobile devices like smartphones, tablets, or laptops.

(Nhà thông minh là những ngôi nhà được trang bị các tiện ích và hệ thống hiện đại cho phép chủ nhà điều khiển từ xa thông qua các thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay.)

Đáp án: B

29. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ “this” trong đoạn 1 ám chỉ điều gì?

- A. ứng dụng của trí tuệ nhân tạo
- B. ngôi nhà thông minh với các thiết bị và hệ thống hiện đại
- C. việc chủ nhà có thể điều khiển ngôi nhà từ xa
- D. sự kết nối giữa các thiết bị thông minh và thiết bị di động

Thông tin: Smart homes refer to houses equipped with modern **gadgets** and systems that allow homeowners to control them remotely through mobile devices like smartphones, tablets, or laptops. However, **this** would probably not work without sensors.

(Những ngôi nhà thông minh ám chỉ những ngôi nhà được trang bị các thiết bị và hệ thống hiện đại cho phép chủ nhà điều khiển chúng từ xa thông qua các thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng hay máy tính xách tay. Tuy nhiên, điều này có thể không xảy ra mà không có các cảm biến.)

Đáp án: C

30. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo bài đọc, các ngôi nhà thông minh biết được nhu cầu của chủ nhà như thế nào?

- A. bằng cách học các hành vi của họ
- B. bằng cách điều chỉnh nhiệt độ của ngôi nhà.
- C. bằng cách thay đổi các thiết đặt an ninh
- D. bằng cách cài đặt kết nối Internet

Thông tin: Besides, with the help of artificial intelligence, smart homes could learn about the homeowners' behavior to anticipate their needs.

(Bên cạnh đó, với sự giúp đỡ của trí tuệ nhân tạo, các ngôi nhà thông minh có thể học về hành vi của các chủ nhà để có thể biết trước nhu cầu của họ.)

Đáp án: A

31. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Từ nào dưới đây TRÁI NGHĨA với từ costs trong đoạn 2?

- A. chi phí
- B. giá
- C. ngân sách

D. tiết kiệm

cost (n): chi phí >< saving (n): tiền tiết kiệm

Thông tin: Firstly, the technology can be expensive due to the initial purchase and installation of devices, as well as ongoing maintenance costs.

(Đầu tiên, công nghệ này có thể tốn kém do chi phí mua và lắp đặt thiết bị ban đầu cũng như chi phí bảo trì liên tục.)

Chọn D

32. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Mục đích của bài đọc là gì?

- A. chỉ cách duy trì các ngôi nhà thông minh
- B. định nghĩa về khái niệm nhà thông minh
- C. đưa thông tin về giá của ngôi nhà thông minh
- D. nhấn mạnh tầm quan trọng của đời sống cá nhân

Thông tin: Smart homes refer to houses equipped with modern gadgets and systems that allow homeowners to control them remotely through mobile devices like smartphones, tablets, or laptops.

(Những ngôi nhà thông minh ám chỉ những ngôi nhà được trang bị các thiết bị và hệ thống hiện đại cho phép chủ nhà điều khiển chúng từ xa thông qua các thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng hay máy tính xách tay.)

Đáp án: B

33.

Kiến thức: Câu hỏi gián tiếp với “could”

Giải thích:

Cấu trúc: Could you tell me + từ để hỏi + S + V? => dùng để lấy thông tin

Mạo từ “the” + danh từ xác định cả người nói và nghe đều biết => the pharmacy: nhà thuốc

Thì hiện tại đơn: S (số ít) + V-s => the pharmacy opens

Đáp án: Could you tell me when the pharmacy opens?

(Bạn có thể cho tôi biết khi nào nhà thuốc mở cửa không?)

34.

Kiến thức: Cấu trúc “there be” và thì tương lai đơn

Giải thích:

Cấu trúc với “there be” và thì tương lai đơn: There will be + danh từ

Mạo từ “a” + danh từ số ít chưa xác định => a safety system: hệ thống an ninh

Đại từ quan hệ “which” đứng sau danh từ để nói mệnh đề chính với mệnh đề quan hệ

“which” + V-s => đóng vai trò chủ ngữ => which monitors

Dùng mạo từ “the “ + danh từ xác định người nói và nghe đều biết => the area outside the house: *khu vực bên ngoài của ngôi nhà*

Đáp án: There will be a safety system which monitors the area outside the house.

(*Sẽ có một hệ thống an toàn giám sát khu vực bên ngoài ngôi nhà.*)

35.

Kiến thức: Câu hỏi gián tiếp với “could”

Giải thích:

Cấu trúc: Could you show/tell me + từ để hỏi + to V₀ + ...? dùng để lấy thông tin

So sánh nhất với tính từ ngắn: the + adj-EST + N => the nearest restaurant: *nhà hàng gần nhất*

Đáp án: Could you show me how to get to the nearest restaurant?

(*Bạn có thể chỉ cho tôi làm cách nào đến nhà hàng gần nhất không.*)

36.

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

Giải thích:

This is a great apartment for families. They like living in a quiet place.

(*Đây là một căn hộ tốt cho các gia đình. Họ thích sống ở nơi yên tĩnh.*)

They ám chỉ *families* => dùng đại từ quan hệ *who* nối hai câu lại

Đáp án: This is a great apartment for families who like living in a quiet place.

(*Đây là một chung cư tốt cho những gia đình thích ở những nơi yên tĩnh.*)

37.

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

Giải thích:

His house has a lower electricity bill. Its roof has solar panels.

(*Nhà của anh ấy có tiền điện thấp hơn. Mái nhà đó có các tấm pin mặt trời.*)

Ta thấy “its” thay cho danh từ “house” => dùng đại từ quan hệ “whose” để nối hai câu lại với nhau

Đáp án: His house, whose roof has solar panels, has a low electricity bill.

(*Nhà anh ấy, ngôi nhà có mái có các tấm pin mặt trời, có tiền điện thấp.*)

38.

Kiến thức: Câu tường thuật với “suggest”

Giải thích:

"Why don't you travel in the summer months?" Johnny said to me.

(*"Tại sao cậu không đi du lịch vào những tháng hè?", Johnny nói với tôi.*)

Có hai cách: S + suggested + Ving + hoặc S1 + suggested + (that) + S2 + (should) + V₀ +

Đáp án: Johnny suggested travelling in the summer months.

Hoặc: Johnny suggested that I should travel in the summer months.

(*Johnny gợi ý rằng tôi nên đi du lịch vào những tháng hè.*)

39.

Kiến thức: Câu ước

Giải thích:

Tom doesn't have a game console.

(Tom không có máy chơi game cầm tay.)

Câu ước cho điều không thật ở hiện tại: S1 + wish(es) + S2 + V2/ed +

Đáp án: Tom wishes he had a game console.

(Tom ước cậu ấy có một máy chơi game cầm tay.)

40.

Kiến thức: Tường thuật câu hỏi wh

Giải thích:

"When is the best time to visit Japan?" asked Kim.

("Khi nào là thời điểm tốt nhất để đến thăm Nhật Bản?", Kim hỏi.)

Cấu trúc câu hỏi có từ hỏi wh-question: S1 + asked + wh-question + S2 + V (lùi th+

Chuyển is thành was.

Đáp án: Kim asked when the best time was to visit Japan.

(Kim hỏi khi nào là thời gian tốt nhất để ghé thăm Nhật Bản.)